

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 643 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 02-11-2022
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Ông Nguyễn Hữu Tố

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 966/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Văn C, phường Hoài Đ, thị xã H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Văn C, phường Hoài Đ, thị xã H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến ngày 15/12/2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đ, huyện H, tỉnh B (nay là phường Hoài Đ, thị xã H). Trong thời gian vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh L có những lời nói xúc phạm và đánh đập chị nhiều lần, vì nghĩ đến các con nên chị M cố gắng chịu đựng, tha thứ cho anh L nhưng anh L vẫn không thay đổi. Do đó, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức L để ổn định cuộc sống.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hữu A, sinh ngày 18/12/1998 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 19/10/2003. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Đức L, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L theo quy định của pháp luật nhưng anh L luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thủ tục nhận và xử lý đơn kiện chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 191, 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 17,18,19,21,56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đức L.

+ Về nuôi con chung: Nguyễn Hữu A, sinh ngày 18/12/1998 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 19/10/2003. Các con đã thành niên, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn giải quyết việc hôn nhân và gia đình của chị; Bị đơn anh Nguyễn Đức L cư trú tại khu phố Văn C, phường Hoài Đ, thị xã H, tỉnh B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đức L nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức L tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đ, huyện H (nay là phường Hoài Đ, thị xã H), tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127 quyển số 01 ngày 15 tháng 12 năm 2008. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị M, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh L dùng những lời nói xúc phạm danh dự và đánh đập chị nhiều lần nên tình cảm ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị M và anh L trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm vợ chồng không còn tin tưởng, quan tâm và chăm sóc nhau, anh L xúc phạm danh dự và đánh đập chị M nhiều lần dẫn đến tình cảm ngày rạn nứt không thể hàn gắn

được. Nay chị M kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L luôn vắng mặt, từ diễn biến trên chúng tôi anh L đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Có hai con chung Nguyễn Hữu A, sinh ngày 18/12/1998 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 19/10/2003. Các con đã thành niên và có khả năng lao động. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí về hôn nhân và gia đình: Chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức L.

2. Về nuôi con chung: Nguyễn Hữu A, sinh ngày 18/12/1998 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 19/10/2003. Các con đã thành niên và có khả năng lao động, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002218 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích